

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2021
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Võ Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 267/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1971.

Địa chỉ: tổ 5, ấp 4, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1971.

Địa chỉ: tổ 5, ấp 4, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: tổ 27, ấp BM, xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Hồng Đ là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng tìm hiểu nhau, sống chung với nhau từ năm 1998 và vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Do vợ chồng đều đã từng đổ vỡ trong hôn nhân nên đồng cảm và thương nhau, quyết định chung sống với nhau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chung sống không còn hòa hợp và dẫn đến tranh cãi, vợ chồng đều nhận thấy giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến năm

2009, vợ chồng quyết định không chung sống với nhau nữa và mỗi người có cuộc sống mới. Vợ chồng đã sống ly thân gần 10 năm, không còn tình cảm với nhau nên nay anh Nguyễn Hồng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Xuân Thịnh, sinh ngày 03/10/2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là chị Phạm Thị B đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Đ nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

+ Giấy khai sinh con chung (bản sao).

+ Giấy CMND và SHK anh Nguyễn Hồng Đ (photo).

+ Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại tại Tòa án của anh Nguyễn Hồng Đ (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Hồng Đ có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*”.

Chị Phạm Thị B là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở tổ 5, ấp 4, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện nay tổ 27, ấp BM, xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Phạm Thị B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ, chị B chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy anh Đ, chị B có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa

vụ giữa vợ và chồng. Nay, đời sống chung giữa anh Đ và chị B phát sinh mâu thuẫn nên anh Đ yêu cầu ly hôn với chị B. Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Phạm Thị B tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng chị B vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh Đ. Xét thấy giữa anh Đ và chị B không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn với chị B là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh Đ và chị B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận anh Đ và chị B là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Xuân Thịnh, sinh ngày 03/10/2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, chị B không có ý kiến đối với phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết, chị B không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về án phí:*

Anh Nguyễn Hồng Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hồng Đ.

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Hồng Đ và chị Phạm Thị B là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Xuân Thịnh, sinh ngày 03/10/2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, chị B không có ý kiến đối với phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết, chị B không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012718 ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Như vậy tiền án phí anh Đ đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lưu Minh Tú